

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Đức.
- Bà Đặng Hải Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lô Văn H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Triệu Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn ly hôn, bản tự khai, lời khai, lời trình bày tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày, yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị T và ông Lô Văn H trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc tại thôn T, xã N và có 02 người con.

Chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên

nhân do kinh tế gia đình khó khăn, bà Triệu Thị T đi vào làm ở xa, ông Lô Văn H ở nhà một mình trông 02 con, bà T không còn quan tâm đến gia đình nữa, càng ngày càng ít quay về nhà thăm chồng con. Từ năm 2020, bà T đi biệt, chỉ lâu lâu mới gọi điện về nói chuyện với các con, không đỏi hỏi, hỏi thăm gì đến gia đình. Từ thời điểm đó hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau đã 04 năm, đời sống chung của vợ chồng không có, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Lô Văn H đề nghị được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung là Lô Anh T, sinh năm 23/9/2008 và Lô Trung H, sinh 23/4/2010. Các cháu hiện nay đều đang sống cùng ông H, do ông trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Cháu T hiện đang đi học nghề tại Trung tâm giáo dục thường xuyên I, còn cháu H đang học lớp 7, trường Trung học cơ sở xã N. Ông Lô Văn H vẫn có đủ điều kiện, kinh tế để chăm sóc cả 02 cháu, lo cho các cháu ăn học, phát triển bình thường. Khoảng từ 02-03 năm nay, bà T không hỗ trợ, không gửi tiền nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Khi ly hôn, ông yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con..

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 30 tháng 5 năm 2024 với bà Đàm Thị M là mẹ đẻ của bà Triệu Thị T trình bày: Vợ chồng anh Lô Văn H và chị Triệu Thị T trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân 04 năm nay, bà T đi làm ở xa không có điều kiện về thăm gia đình, chồng con, các con do một mình anh Lô Văn H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà T hơn một năm nay không về qua nhà, việc anh Lô Văn H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bà không có ý kiến gì, tình cảm hai vợ chồng không còn thì anh Lô Văn H yêu cầu ly hôn gia đình nhất trí. Việc nuôi 02 con chung là các cháu Lô Anh T, Lô Trung H đều do ông H trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu có nguyện vọng ở với bố nên gia đình bà cũng nhất trí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án; đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, các

Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lô Văn H về việc ly hôn với bà Triệu Thị T.

Về con chung: Ông Lô Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lô Anh T và cháu Lô Trung H cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Triệu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Lô Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lô Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, về vấn đề con chung, cả nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn bà Triệu Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử, tuy nhiên bà Triệu Thị T vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ đương sự theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, biên bản xác minh mâu thuẫn của các bên, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập; có đủ cơ sở để xác định bà Triệu Thị T và ông Lô Văn H trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán của địa phương, được đi đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 khi bà Triệu Thị T đi làm ở xa thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng; cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; đời sống chung không tồn tại, ly thân kể từ năm 2020, ngay cả khi bà Triệu Thị T đi làm về địa phương cũng không về nhà chung sống cùng ông Lô Văn H, mỗi người sống một nhà riêng cho đến hiện nay. Bà Triệu Thị T bỏ mặc việc chăm sóc con cái cho ông Lô Văn H một mình càng đáng, chịu trách nhiệm. Chính vì việc đời sống chung không tồn tại, không có sự quan tâm chăm sóc đến nhau trong suốt thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà Triệu Thị T và

ông Lô Văn H đã thực sự trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ông Lô Văn H được ly hôn bà Triệu Thị T.

[5] Về con chung: Căn cứ các Biên bản lấy nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi vào các ngày 04/4/2024-09/4/2024, xác định cháu Lô Trung H và cháu Lô Anh T trình bày kể từ khi mẹ không còn ở chung với bố thì các cháu được ông Lô Văn H đảm bảo các điều kiện chăm sóc, học tập, ăn uống phát triển đầy đủ và có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn, mong muốn được tiếp tục sinh sống cùng ông Lô Văn H. Bản thân ông Lô Văn H có công việc, thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cả hai con và có nguyện vọng, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc hai con chung. Thực tế kể từ khi ly thân cho đến tại phiên tòa, bà Triệu Thị T không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng không có yêu cầu đề nghị về quyền nuôi con chung. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét, quyết định giao cho ông Lô Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; bà Triệu Thị T có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Bà Triệu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Lô Văn H không có yêu cầu, nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lô Văn H được ly hôn với bà Triệu Thị T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2007 ngày 22/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung: Ông Lô Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là 02 cháu Lô Anh T, sinh ngày 23/9/2008 và cháu Lô Trung H, sinh ngày 23/4/2010 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; bà Triệu Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

Bà Triệu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Lô Văn H chưa có yêu cầu.

3. Tài sản chung, khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Ông Lô Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; xác nhận đã thi hành xong theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004643 ngày 29/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã N, huyện H;
- Các đương sự:.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Mạnh Cường